

- M, Ikemoto K, Matsukawa T.** [Femoral Nerve Block for Total Knee Arthroplasty]. Masui. 2014;63(8):872-876.
- Armanious SH.** Adductor Canal Block versus Femoral Nerve Block in Unicompartamental Knee Arthroplasty: A Randomized, Double Blind, Prospective, Comparative Study. Published Online 2020:8.
 - Nguyễn Vũ Hà Ngân.** Đánh Giá Hiệu Quả Giảm Đau Sau Phẫu Thuật Nội Soi Khớp Gối Của Phương Pháp Gây Tê Thần Kinh Đùi và Thần Kinh Hồng to Dưới Hướng Dẫn Của Siêu Âm. 2017.
 - Amin MAA, Abotaleb UI.** Value of IPACK Block (Interspace between the Popliteal Artery and the Capsule of the Posterior Knee) with Adductor Canal Block in Total Knee Arthroplasty. Published Online 2021:6.
 - Amer N.** Combined Adductor Canal and i-PAK Blocks Is Better than Combined Adductor Canal and Periarticular Injection Blocks for Painless ACL Reconstruction Surgery. :4.
 - Huang A, Singh PA, Woon KL.** Interspace between the Popliteal Artery and the Capsule of the Knee (IPACK) Block for Anterior Cruciate Ligament Reconstruction Surgery: A Two Case Series. Open J Anesthesiol.:10.

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH TIÊM VẮC XIN PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG CỦA SINH VIÊN NỮ KHOA XÉT NGHIỆM TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG NĂM 2021

Phạm Minh Tuệ¹, Nguyễn Thị Giang¹, Nguyễn Thị Huyền¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khoa Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương năm 2021. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 350 sinh viên nữ khoa Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương từ ngày 2 tháng 11 năm 2021 đến ngày 24 tháng 11 năm 2021. **Kết quả:** Sinh viên có kiến thức đúng về vắc xin là 62,82%. Sinh viên có thái độ đúng về vắc xin ung thư cổ tử cung là 80,3%, tuy nhiên thực hành đúng tiêm vắc xin ung thư cổ tử cung lại có kết quả thấp chiếm 39,87%. **Kết luận:** cần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi hơn về tầm quan trọng của việc tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung cho nữ giới, đặc biệt là sinh viên nữ.

Từ khóa: vắc xin, ung thư cổ tử cung

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE OF CERVICAL CANCER VACCINATION AMONG FEMALE STUDENTS OF THE LABORATORY OF HAI DUONG UNIVERSITY OF MEDICAL TECHNOLOGY IN 2021

Objective: The study aims to evaluate the knowledge, attitude and practice of cervical cancer vaccination among female students of the Laboratory of Hai Duong University of Medical Technology in 2021. **Research methods:** Research Cross-sectional description on 350 female students of Laboratory of Hai Duong University of Medical Technology from

November 2, 2021 to November 24, 2021. **Results:** Students with correct knowledge of vaccines were 62,82%. Students have the right attitude about cervical cancer vaccine is 80.3%, however, the correct practice of cervical cancer vaccination has low results, accounting for 39.87%. **Conclusion:** It is necessary to propagate and disseminate more widely about the importance of vaccination against cervical cancer for women, especially female students.

Keywords: vaccine, cervical cancer

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là bệnh lý phổ biến, đứng hàng thứ hai trong số các ung thư sinh dục ở phụ nữ trên thế giới và là một trong những nguyên nhân tử vong hàng đầu của giới nữ, nhất là ở những nước đang phát triển mặc dù thực tế thì đây là bệnh có thể phòng ngừa được [1]. Tuổi trung bình khi chẩn đoán là 50, nhưng ung thư có thể xảy ra sớm nhất là 20 tuổi. Hiệp hội Ung thư Hoa Kỳ ước tính rằng tại Hoa Kỳ sẽ có 13.800 trường hợp ung thư cổ tử cung xâm lấn mới và 4.290 trường hợp tử vong do ung thư cổ tử cung vào năm 2020 [2].

Vi rút gây UTCTC ở người (HPV) được xác định là nguyên nhân chính gây UTCTC. HPV rất dễ lây lan và hầu hết mọi phụ nữ đều có nguy cơ nhiễm phải. Trung bình cứ 10 phụ nữ thì có đến 8 người có thể từng một lần nhiễm HPV trong đời. Có hơn 100 loại HPV, trong đó hai loại HPV type16 và type 18 gây ra 70% UTCTC và tổn thương cổ tử cung (CTC) tiền ung thư ở phụ nữ [3].

Mặc dù UTCTC là một căn bệnh nguy hiểm nhưng có thể phòng tránh được. Tiêm vắc xin phòng UTCTC là một trong những biện pháp tốt nhất để phòng bệnh UTCTC. Tại Việt Nam, vắc

¹Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Minh Tuệ

Email: huyenhdr152@gmail.com

Ngày nhận bài: 3.2.2023

Ngày phản biện khoa học: 7.4.2023

Ngày duyệt bài: 20.4.2023

xin phòng UTCTC lần đầu được giới thiệu năm 2007 thông qua dự án “Đánh giá các chiến lược tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung tại Việt Nam giai đoạn 2007-2011” do tổ chức PATH hỗ trợ. Hiện nay có 2 loại vắc xin là Gardasil và Cervarix, theo khuyến cáo của nhà sản xuất vắc xin được chỉ định tiêm cho nữ giới trong độ tuổi từ 9 – 26 tuổi, bất luận đã từng quan hệ tình dục hay chưa và nên đi tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung càng sớm càng tốt. Vắc xin thường có hiệu quả bảo vệ kéo dài khoảng 30 năm [4].

Vì thế để dự phòng UTCTC do nhiễm HPV ở các nước đang phát triển như Việt Nam, rất cần các chương trình can thiệp sớm phòng nhiễm HPV cho cộng đồng. Sinh viên nữ khoa Xét nghiệm cũng thuộc nhóm đối tượng có nguy cơ cao lại là những cán bộ y tế trong tương lai, do vậy trang bị đầy đủ những kiến thức, xây dựng thái độ đúng đắn cũng như thúc đẩy hành vi phù hợp sẽ giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế này và trở thành tấm gương cho cộng đồng. Khoa Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương với quy mô đào tạo toàn khoa khoảng hơn 400 sinh viên trong đó chiếm 2/3 là sinh viên nữ chủ ở độ tuổi từ 18 đến 25. Tuy nhiên cho đến nay chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thái độ và thực hành tiêm phòng vắc xin phòng UTCTC ở sinh viên nữ khoa Xét nghiệm của Trường, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu “Mô tả kiến thức, thái độ và thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của Sinh viên nữ khoa Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương năm 2021”.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Gồm các sinh viên nữ khoa Xét nghiệm khoá 12 đến khoá 14

Bảng 3.1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung về đặc điểm của ĐTNC		XN12 (%)	XN13 (%)	XN14 (%)	Chung (%)
Tuổi	≤ 20	93.7%	97%	100%	96.90%
	21-22	6.3%	3%	0%	4.65%
	≥23	0%	0%	0%	0.00%
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	95.8%	98.5%	100%	98.10%
	Kết hôn, chung sống	2.1%	1.5%	0%	1.2%
	Chưa kết hôn, chung sống với bạn tình	2.1%	0%	0%	0.7%
	Khác	0%	0%	0%	0%
Tiếp cận thông tin hàng ngày	Các mạng xã hội	76.8%	75.5%	65%	72.43%
	Tivi	8.4%	3.2%	2%	4.53%
	Các trang báo điện tử	6.3%	17.7%	33%	19.00%
	Khác	8.5%	3.6%	0%	4.03%

Nhận xét: Từ bảng 3.2 thấy được rằng số lượng sinh viên nghiên cứu đa số chủ yếu là lứa tuổi dưới 20 (96,9%), chủ yếu độc thân. Và các bạn tiếp cận thông tin chủ yếu qua mạng xã hội và các trang báo điện tử.

3.2. Kiến thức về vắc xin phòng UTCTC

năm học 2020-2021.

2.2.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

- Sinh viên hệ chính quy khối xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương
- Đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2.2. Tiêu chuẩn loại trừ: - Sinh viên không hợp tác tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang.
- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện. Gồm các sinh viên nữ khoa Xét nghiệm khoá 12 đến khoá 14 năm học 2020-2021.

2.3. Xử lý số liệu. Nhập số liệu, quản lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phân tích mô tả được sử dụng phù hợp với các thông tin được phân tích.

2.4. Đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu được triển khai sau khi được sự chấp nhận của trưởng học Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương.

Đánh giá này không làm ảnh hưởng sức khỏe của SV nữ khoa Xét nghiệm Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương.

Đối tượng tham gia nghiên cứu có quyền từ chối trả lời phỏng vấn, chỉ phỏng vấn sâu những người đồng ý tham gia nghiên cứu. Mọi thông tin thu được bảo mật về tên của người được phỏng vấn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu của chúng tôi khảo sát 350 sinh viên nữ khoa xét nghiệm các khoá 12,13,14 thời gian từ ngày 2 tháng 11 năm 2021 đến ngày 24 tháng 11 năm 2021.

3.1. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.2. Kiến thức của đối tượng về vắc xin phòng UTCTC

Kiến thức về vắc xin phòng UTCTC	XN12 (%)	XN13 (%)	XN14 (%)	Chung (%)
Độ tuổi tiêm phòng vắc xin UTCTC				
Từ 9- 26 tuổi	93.7%	93.2%	87.9%	91.60%
Sai/ Không biết	6.3%	6.6%	12.1%	8.33%
Số liều vắc xin UTCTC cần phải tiêm				
1 mũi	0%	0%	0%	0.00%
2 mũi	0%	0%	33%	11.00%
3 mũi	97.9%	95.1%	66%	86.33%
Nhiều hơn 3 mũi	0%	2.3%	0%	0.77%
Không biết, không nhớ	2.1%	2.6%	1%	1.90%
Đã có vắc xin phòng ngừa UTCTC				
Cervarix	27.4%	26.7%	2%	18.70%
Gardasil	44.2%	13.3%	87%	48.17%
Cả hai	4.2%	17.4%	10%	10.53%
Chưa/Không biết	24.2%	42.6%	1%	22.60%
Phản ứng hoặc tác dụng phụ của vắc xin phòng UTCTC				
Không có tác dụng phụ	6.3%	3.2%	20%	9.83%
Đau, đỏ, hoặc sưng	6.3%	5.1%	33%	14.80%
Sốt nhẹ (dưới 38,5 độ)	68.4%	70.5%	6%	48.30%
Sốt cao (trên 38,5 độ)	2.1%	1.3%	1%	1.47%
Nhức đầu, buồn nôn hoặc cảm thấy mệt mỏi	6.3%	12.4%	22%	13.57%
Phát ban	2.1%	6%	10%	6.03%
Khác	8.5%	1.9%	10%	6.80%

Nhận xét: Từ bảng trên ta nhận thấy đa số sinh viên cho rằng độ tuổi tiêm phòng vắc xin UTCTC từ 9 đến 26 tuổi (91.6%), số liều cần tiêm là 3 mũi (86.33%), đã có vắc xin phòng ngừa là Cervarix và Gardasil. Tác dụng phụ của vắc xin chủ yếu là sốt nhẹ (48.3%) và nhức đầu, buồn nôn hoặc cảm thấy mệt mỏi.

3.3. Thái độ về vắc xin phòng UTCTC

Bảng 3.3. Thái độ về tìm hiểu vắc xin phòng UTCTC

Thái độ về vắc xin phòng UTCTC	XN12 (%)	XN13 (%)	XN14 (%)	Chung (%)
Vắc xin phòng UTCTC hiệu quả trong việc dự phòng lây nhiễm và dự phòng bệnh UTCTC do virus HPV				
Không tích cực	12.6%	15.5%	44%	24.3%
Tích cực	87.4%	84.5%	56%	75,97%
Lo lắng về tác dụng phụ của vắc xin.				
Không tích cực	23.2%	36.5%	67%	42.23%
Tích cực	76.8%	63.5%	33%	57,77%
Lo ngại gia đình và bạn bè của SV sẽ nghĩ mình QHTD thường xuyên nếu tôi tiêm phòng vắc xin phòng UTCTC				
Không tích cực	25.3%	23.2%	87%	45.17%
Tích cực	74.7%	76.8%	13%	54.83%
Giá của vắc xin phòng UTCTC sẽ là một cản trở đối SV				
Không tích cực	69.5%	46.6%	10%	42.03%
Tích cực	30.5%	53.4%	90%	57.97%
Vắc xin phòng UTCTC có thể thúc đẩy hành vi QHTD không an toàn như không sử dụng BCS hoặc QHTD nhiều người				
Không tích cực	15.8%	3.3%	45%	21.37%
Tích cực	84.2%	96.7%	55%	78.63%

Nhận xét: Từ bảng trên ta có thể thấy sinh viên có ý thức tích cực trong việc dự phòng bệnh UTCTC do virus HPV, nhưng giá vắc xin (42,03%) và tác dụng phụ của vắc xin (57,77%) đang là một cản trở đối với sinh viên.

3.4. Thực hành tiêm vắc xin phòng UTCTC

Bảng 3.4. Tiêm phòng vắc xin phòng UTCTC

Thực hành về vắc xin phòng UTCTC	XN12 (%)	XN13 (%)	XN14 (%)	Chung (%)
Đã tiêm phòng vắc xin UTCTC				
Có	47.4%	12,2%	60%	39.87%
Chưa	52.6%	87,9%	40%	60.17%
Số mũi đã tiêm vắc xin phòng UTCTC				
1 mũi	0%	0%	0%	0%
2 mũi	8.4%	2%	33%	14.47%
3 mũi	27.4%	3%	67%	32.47%
Nhiều hơn 3 mũi	0%	0%	0%	0%
Không biết, không nhớ	0%	0%	0%	0%

Nhận xét: Qua bảng trên ta có thể thấy tỉ lệ tiêm phòng vắc xin UTCTC ở sinh viên khối Xét nghiệm còn rất nhỏ (39,87%) chủ yếu là tiêm 3 mũi, còn lại 60,17% chưa tiêm phòng vắc xin.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về vắc xin phòng UTCTC.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có 96,7% các bạn sinh viên có kiến thức đúng về UTCTC, chỉ có 4,3% có kiến thức sai, tỷ lệ này khá cao so với "Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội năm 2019" của Lê Văn Hội (70,3%) [5]. Nghiên cứu KIẾN THỨC VỀ VẮC XIN PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG CỦA KHÁCH HÀNG NỮ ĐẾN PHÒNG TIÊM CHỦNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2018 của Nguyễn Văn Thành cho thấy có 46,9% có kiến thức đúng về UTCTC. Qua đó chúng tôi thấy tỉ lệ kiến thức đúng của các bạn sinh viên khá cao, cho thấy nguồn thông tin về bệnh UTCTC phổ biến rất tốt trong sinh viên.

4.2. Thái độ về vắc xin phòng UTCTC. Tỷ lệ các bạn sinh viên có thái độ đúng về vắc xin phòng UTCTC là 75,97% tỷ lệ này cao hơn nhiều so với "Nghiên cứu về kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng UTCTC tại Bệnh viện Hùng Vương và Paster thành phố Hồ Chí Minh ở phụ nữ tuổi 19-26 năm 2011" của Lê Thị Yến Phi và cộng sự (19,8%). Có sự khác biệt này có thể do cỡ mẫu nghiên cứu của chúng tôi chưa đủ lớn, địa điểm và đối tượng nghiên cứu khác biệt, đặc biệt là thời gian thực hiện nghiên cứu này đã khá lâu so với hiện tại nên dẫn đến sự khác biệt kết quả.

4.3. Thực hành tiêm vắc xin phòng UTCTC. Có 62,82% các bạn sinh viên đã tìm hiểu, theo dõi thông tin về vắc xin, tuy nhiên chỉ có 39,87% các bạn sinh viên đã tiêm vắc xin phòng ngừa, sau tiêm phòng đa số không bị phản ứng phụ, tỷ lệ này đã cao hơn so với "Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ năm 3 Đại học Khoa học xã hội và nhân văn năm 2014" của Đặng Đức Nhu (3,9%) và nghiên cứu của Phạm Quốc Thắng cho số liệu là chỉ có 5,5% các em nữ đã tiêm phòng vắc xin

HPV và trong đó 71,9% các bạn sinh viên sẽ phổ biến kiến thức cho người khác.

Kết quả cho thấy có 57,87% các bạn chưa tiêm phòng vắc xin do lo ngại tác dụng phụ của vắc xin, giá thành của vắc xin tương đối cao và nhận thức của việc tiêm vắc xin đối với sinh viên còn hạn chế (có thực sự cần thiết hay không) nên nó đã gây ra cản trở cho sinh viên tỷ lệ này thấp so với "Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ năm 3 Đại học Khoa học xã hội và nhân văn năm 2014" của Đặng Đức Nhu (96,1%). Từ kết quả trên cho thấy việc thực hành tiêm vắc xin UTCTC ở sinh viên là còn hạn chế mặc dù các bạn sinh viên đã có kiến thức và thái độ tương đối tích cực nhưng thực hành thì còn thấp. Chính vì thế việc thực hành tiêm phòng UTCTC cần được phổ biến rộng rãi hơn đến các bạn sinh viên để các bạn có ý thức, trách nhiệm hơn với chính bản thân mình.

V. KẾT LUẬN

Sinh viên có kiến thức đúng về vắc xin là 62,82%. Sinh viên có thái độ đúng về vắc xin UTCTC là 80,3%. Tuy các bạn sinh viên đã có kiến thức và thái độ tương đối tích cực nhưng ngược lại hành vi dự phòng là tiêm vắc xin UTCTC lại có kết quả thấp chiếm 39,87%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế** (2016), "Kế hoạch hành động quốc gia dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025. Ban hành kèm theo Quyết định số 5240/QĐ- BYT ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế".
- Pedro T. Ramirez, Gloria Salvo**, Endometrial cancer, MSD Manual tháng 9-2020.
- Bộ Y tế** (2011), "Tài liệu hướng dẫn sàng lọc, điều trị tổn thương tiền ung thư để dự phòng thứ cấp điều trị Ung thư cổ tử cung. Ban hành kèm theo Quyết định số Bùi Diệu và Nguyễn Thị Hoài Nga (2012), "Nhận xét cơ cấu bệnh nhân điều trị tại bệnh viện K giai đoạn 2007 - 2011", Tạp chí Ung thư học Việt Nam. 2, tr. tr: 13 - 16.

4. **Lê Quang Hùng và Nguyễn Thị Như Tú** (2014), "Nghiên cứu tình hình mắc bệnh và tử vong do ung thư tại Bình Định giai đoạn 2010-2012". Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, tr. 21-25.
5. **Lê Văn Hội** (2019), Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019, Đại học Y Hà Nội.
6. **Nguyễn Văn Thành** (2018), Kiến thức về vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của khách hàng nữ đến phòng tiêm chủng Đại học Y Hà Nội năm 2018, Đại học Y Hà Nội.
7. **Lê Thị Yên Phi và cộng sự** (2014), Kiến thức và thái độ của khách hàng đến chủng ngừa HPV tại Bệnh Viện Hùng Vương và Viện Pasteur Thành Phố Hồ Chí Minh, Thời sự y học, Chuyên đề sức khỏe sinh sản, Tập 14, Số 2, Tháng 9 – 2014.
8. **Đặng Đức Nhu, Phạm Quốc Thắng** (2014). Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ năm thứ 3 Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn năm 2014.

TUÂN THỦ QUY TRÌNH AN TOÀN PHẪU THUẬT CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI KHOA PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG BỆNH VIỆN DA LIỄU TRUNG ƯƠNG, NĂM 2020

Lê Thị Hằng¹, Phạm Ngọc Độ²

TÓM TẮT

Mục đích: Nghiên cứu "Tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật của nhân viên y tế tại khoa Phẫu thuật thẩm mỹ và Phục hồi chức năng, Bệnh viện Da liễu Trung ương, năm 2020" với mục tiêu mô tả thực trạng tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật của nhân viên y tế. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng tại khoa Phẫu thuật thẩm mỹ và Phục hồi chức năng của Bệnh viện Da liễu Trung ương, từ tháng 01/2020 – 9/2020 với 217 ca phẫu thuật bằng bảng kiểm đánh giá tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật. **Kết quả:** Kết quả cho thấy tỷ lệ tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật chung là 62,7%. Tỷ lệ tuân thủ cao nhất ở giai đoạn trước khi gây mê/tê với 84,8%, thấp nhất là giai đoạn trước khi rạch da với 77,0%. Tỷ lệ tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật của nhóm bác sĩ phẫu thuật và bác sĩ/kỹ thuật viên gây mê đều là 81,6%, nhóm điều dưỡng thấp hơn với 69,6%. Một số nội dung còn chưa thực hiện tốt, tỷ lệ tuân thủ chưa cao, như đánh giá nguy cơ mất máu ở giai đoạn trước khi gây mê/tê với 47,6%; dự kiến thời gian phẫu thuật và thực hiện hình ảnh chẩn đoán thiết yếu ở giai đoạn trước khi rạch da lần lượt 88,2% và 76,4%; dán nhãn mẫu bệnh phẩm đầy đủ ở giai đoạn trước khi người bệnh rời khỏi phòng phẫu thuật là 80,9%. **Kết luận:** Cần tăng cường kiểm tra và yêu cầu nhân viên y tế việc tuân thủ bảng kiểm an toàn phẫu thuật, đặc biệt là đánh giá nguy cơ mất máu ở giai đoạn trước khi gây mê/tê.

Từ khóa: an toàn phẫu thuật, nhân viên y tế, tuân thủ

SUMMARY

COMPLIANCE WITH SURGICAL SAFETY PROCEDURES OF MEDICAL STAFF AT DEPARTMENT OF PLASTIC AND REHABILITATION SURGERY IN THE NATIONAL HOSPITAL OF DERMATOLOGY IN 2020

Objectives: To study "Compliance with surgical safety procedures of medical staff at Department of Plastic and Rehabilitation Surgery in the National Hospital of Dermatology in 2020" with the goal of modeling describe the status of medical staff's compliance with surgical safety procedures. **Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study, combined with quantitative at the Department of Plastic Surgery and Rehabilitation of the National Hospital of Dermatology, from January 2020 to September 2020 with 217 surgeries using checklists. Assess compliance with surgical safety procedures. **Results:** The results showed that the overall surgical safety protocol compliance rate was 62.7%. The compliance rate was highest in the pre-anesthesia/anesthesia stage with 84.8%, the lowest in the pre-incision stage with 77.0%. The compliance rate of surgical safety procedures of the group of surgeons and anesthesiologists/technicians were both 81.6%, and the nursing group was lower with 69.6%. Some contents are still not well implemented, the compliance rate is not high, such as assessment of the risk of blood loss in the pre-anesthesia/anesthesia stage with 47.6%; estimated surgical time and essential diagnostic imaging in the pre-incision stage, 88.2% and 76.4%, respectively; full specimen labeling at the stage before the patient leaves the operating room is 80.9%. **Conclusion:** There is a need to strengthen supervision of medical staff on compliance with surgical safety checklists, especially assessment of the risk of blood loss in the pre-anesthesia/anesthesia stage.

Keywords: surgical safety, medical staff, compliance

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

²Bệnh viện Da liễu Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Hằng

Email: hang.vnu65@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.2.2023

Ngày phản biện khoa học: 11.4.2023

Ngày duyệt bài: 21.4.2023